

Coi chừng những đòi hỏi thái quá

Khoảng thời gian trước ngày Việt Nam gia nhập WTO

Tháng Mười một 2005

Lời dẫn

Việt Nam đang bước vào những giai đoạn cuối cùng của đàm phán gia nhập WTO. Mặc dù Việt Nam khó có thể đạt được mục tiêu trở thành thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào dịp Hội nghị Bộ trưởng tại Hồng Kông tháng Chạp tới đây, các nhà đàm phán Việt Nam vẫn mong muốn nhanh chóng kết thúc tiến trình này. Phân tích những tiến bộ giữa hai cuộc họp của Ban Công tác (về việc gia nhập WTO của Việt Nam) tháng Tư và tháng Chín 2005 cho thấy rõ các thành viên Ban Công tác này vẫn đòi hỏi các nhà đàm phán Việt Nam phải có thêm những nhượng bộ. Nếu được chấp nhận, những nhượng bộ đó sẽ có khả năng gây hậu quả tai hại cho việc bảo vệ sinh kế của những người nghèo nhất ở Việt Nam.

Những đòi hỏi đó được khởi xướng bởi ba trong sáu nước chưa hoàn tất đàm phán song phương với Việt Nam: Hoa Kỳ, Ôtxtrâyliya và Niu Dilân. Dù sao, hy vọng về một gói gia nhập có lợi cho phát triển vẫn chưa bị đánh mất hoàn toàn. Oxfam tin rằng để vấn đề phát triển được gắn với thỏa thuận gia nhập WTO của Việt Nam, thì cần phải giữ vững một số yếu tố then chốt hiện đang đàm phán. Tài liệu này thảo luận chi tiết các yếu tố đó.

Hiện trạng cuộc đàm phán

Ngày 15 tháng Chín năm 2005, Ban Công tác về vấn đề gia nhập WTO của Việt Nam họp để xem xét sửa đổi lần thứ nhất Báo cáo Dự thảo của Ban. Một bản tin của WTO tường thuật cuộc gặp này là “một bước tiến quan trọng sau 10 năm đàm phán”, và rằng Việt Nam đã “có những nỗ lực và tiến bộ rất lớn”.¹ Thế nhưng bất chấp tiến bộ đó, WTO và phần lớn những nhà bình luận khác bên ngoài vẫn cho rằng Việt Nam còn phải đàm phán nhiều hơn nữa trước khi đạt mục tiêu cuối cùng là trở thành thành viên của WTO.

Có khá nhiều ý kiến cho rằng niềm hy vọng ban đầu là kết thúc các cuộc đàm phán gia nhập vào dịp Hội nghị Bộ trưởng tháng Chạp 2005 ở Hồng Kông nay đã lùi xa. Tuy nhiên, các nhà đàm phán Việt Nam vẫn tiếp tục thúc đẩy để sớm kết thúc các cuộc đàm phán. Điều bất trắc trong việc mong muốn đạt được mục tiêu cuối cùng trở thành thành viên WTO có thể làm tăng khả năng dễ bị tổn thương trước những đòi hỏi nhân nhượng cao hơn những gì hiện hữu trong WTO, thường được gọi là WTO-cộng.

Từ góc nhìn phát triển, có một mối quan ngại là việc tiếp tục đòi hỏi tự do hóa hơn nữa, cao hơn những mức hiện nay của các thành viên WTO, có thể được Việt Nam đáp ứng trên các lĩnh vực như nông nghiệp, là lĩnh vực có ý nghĩa sống còn đối với sự mưu sinh của một số trong những người nghèo nhất ở Việt Nam. Khu vực nông nghiệp hiện sử dụng 69 phần trăm lực lượng lao động của Việt Nam, và 45 phần trăm số dân nông thôn sống dưới ranh giới nghèo khổ.² Trở thành thành viên WTO, mặc dù sớm thì tốt hơn là muộn, vẫn không nên được thực hiện nếu phương hại tới khả năng của chính phủ Việt Nam trong việc bảo vệ cuộc sống cho những người nghèo nhất.

Tại cuộc họp của Ban Công tác tháng Tư 2005, khi báo cáo dự thảo về việc gia nhập WTO của Việt Nam được thảo luận lần đầu, vấn đề phát triển đã có nguy cơ bị đặt bên lề bởi những đòi hỏi của các thành viên Ban Công tác. Phân tích của Oxfam lúc bấy giờ đã phát hiện rằng các thành viên Ban Công tác thúc ép Việt Nam đi tới một gói gia nhập tổng thể WTO-cộng có khả năng mang lại những hậu quả nặng nề đối với nỗ lực phát triển và giảm nghèo của Việt Nam. Tiếp theo cuộc thảo luận về sửa đổi lần thứ nhất báo cáo dự thảo ngày 15 tháng Chín, tình hình vẫn bấp bênh, nếu không nói là còn chệnh vênh hơn. Khả năng của Việt Nam trong việc bảo đảm có được một gói gia nhập thuận lợi cho phát triển vẫn đang treo lơ lửng, với một số đòi hỏi trong báo cáo dự thảo của Ban Công tác đã được đáp ứng trong bản sửa đổi.

Bất chấp một thực tế là các thành viên Ban Công tác đã thừa nhận những tiến bộ của Việt Nam trên một số vấn đề then chốt có ảnh hưởng chung, như tự do hóa các thương quyền và loại bỏ chế độ hai giá,³ các thành viên này vẫn ép các nhà đàm phán Việt Nam cam kết nhân nhượng hơn nữa trên những lĩnh vực thiết yếu đối với bảo đảm an ninh lương thực và sinh kế.

Trong khoảng thời gian giữa hai cuộc họp tháng Tư và tháng Chín 2005 của Ban Công tác, đã có những thay đổi sau đây trên lập trường đàm phán:

- Việt Nam đã đồng ý tuân thủ hoàn toàn tất cả các hiệp định WTO khi được kết nạp, bao gồm hiệp định phức hợp về các biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Động thực vật (SPS). Đó là những cam kết rất ngặt nghèo trong tình hình Việt Nam vẫn được Liên Hợp Quốc xếp vào diện có thu nhập thấp, nước nghèo nhiều nợ (HIPC) với các ưu tiên ngân sách gắn với giảm nghèo, và Ngân hàng thế giới ước tính chi phí thực thi cho mỗi hiệp định SPS lên tới 100 triệu USD.⁴ Tất cả các nước đang phát triển thành viên WTO, bao gồm các nước mới gia nhập gần đây như Trung Quốc và

Campuchia, đều được hưởng một thời kỳ quá độ trước khi tuân thủ các hiệp định WTO. Việc loại Việt Nam ra ngoài phạm trù đối xử Đặc biệt và có phân biệt (SDT) đáng được coi là mẫu hình của sự bất bình đẳng của quá trình gia nhập. Việt Nam tiếp tục yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật đối với hiệp định SPS, đó là điều thiết yếu để Việt Nam có thể tuân thủ được cam kết khi gia nhập.

- Việt Nam hiện đang yêu cầu một thời kỳ ngắn, rất khiêm tốn là bảy năm sau khi gia nhập để bỏ trợ cấp xuất khẩu dưới hình thức khuyến khích đầu tư. Tất cả trợ cấp xuất khẩu khác sẽ được loại bỏ ngay sau khi gia nhập. Đây là một thay đổi so với lập trường của các nhà đàm phán hồi tháng Tư, lúc bấy giờ Việt Nam đòi một thời hạn chín năm cho những trợ cấp xuất khẩu dưới hình thức khuyến khích đầu tư và ba năm cho tất cả các loại trợ cấp khác.⁵
- Tuy không có thay đổi nào về hàng dệt may trong bản sửa đổi lần thứ nhất của báo cáo dự thảo, hai ngoặc vuông⁶ bao quanh nó đã được xoá đi.⁷ Phần nói về hàng dệt may đã được nhất trí đó không hề bảo đảm cho công nghiệp dệt may Việt Nam tiếp cận thị trường phi hạn ngạch, như được áp dụng cho tất cả thành viên WTO sau khi kết thúc Hiệp định Đa sợi (MFA) tháng Giêng 2005. Từ ngữ trong văn bản được cấu trúc khá lỏng lẻo, đủ để cho phép tiếp tục áp dụng hạn ngạch sau khi gia nhập. Trong thực tế, điều này chỉ có nghĩa hạn chế tiếp cận thị trường Hoa Kỳ, bởi EU đã bỏ hạn ngạch đối với Việt Nam từ 2005. Tuy nhiên, Hoa Kỳ là một trong những thị trường lớn nhất cho sản phẩm Việt Nam, và hạn chế tiếp cận sẽ khiến Việt Nam tụt lại phía sau những nhà cạnh tranh chủ yếu đã là thành viên WTO và được lợi khi hạn ngạch được huỷ bỏ.

Chính đàm phán song phương là nơi mà các quốc gia muốn gia nhập WTO gặp nhiều khó khăn nhất. Những nước nêu nhiều đòi hỏi nhất hầu như luôn luôn là những nước cuối cùng đồng ý với thoả thuận song phương đi kèm với gói đàm phán gia nhập. Đối với Việt Nam, các cuộc mặc cả song phương còn treo lại với Hoa Kỳ, Ôt-xtrâyli-a, Niu Dilân và cả Honduras, Mêhicô và Cộng hòa Đôminic. Một khi thoả thuận song phương được ký kết, thành viên đàm phán đã được nước xin gia nhập thỏa mãn mọi yêu cầu, sẽ tán thành các cuộc đàm phán đa phương. Vì lý do đó, sáu nước chưa kết thúc đàm phán song phương nói trên, nhất là ba quốc gia phát triển, chính là những nước đang thương thảo những gì khó khăn nhất còn lại, cả trên diễn đàn song phương lẫn đa phương.

Những chủ đề thiết yếu nhất

Có một vài chủ đề đang hết sức quan trọng đối với khả năng tiếp tục phát triển của Việt Nam nên cần phải bảo vệ. Vào lúc Việt Nam đang bước vào giai đoạn cuối cùng của đàm phán, điều vô cùng hệ trọng là Việt Nam đừng để bị buộc phải từ bỏ một số những chính sách và hoạt động thực tiễn có tác dụng to lớn trong cuộc chiến đấu chống nghèo đói suốt 15 năm qua – những chính sách cải cách về pháp lý, về thể chế và kinh tế, gắn liền với tự do hóa từng bước thương mại quốc tế.

Báo cáo thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDGs) của Việt Nam cho thấy nước này đã giảm hơn một nửa số hộ nghèo, từ 58 phần trăm năm 1993 còn 24,1 phần trăm năm 2004.⁸ Tuy nhiên, tiến bộ ở một số vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh không mấy khích lệ. Tỷ lệ nghèo ở các vùng này cao gấp bốn đến năm lần mức bình quân, và tỷ lệ các hộ tái nghèo vẫn còn cao.⁹ Chính phủ Việt Nam thừa nhận giải quyết đói nghèo ở những vùng khó khăn cách trở là những thách thức lớn nhất. Các thành viên Ban Công tác không nên gây thêm khó khăn cho Việt Nam khi quốc gia này đang phải đối đầu với những thách thức đó.

Hạn ngạch thuế suất đánh vào những sản phẩm quan trọng đối với người nghèo

Việt Nam đặc biệt quan tâm bảo vệ nông dân nghèo trước tình hình cạnh tranh ngày càng tăng đối với những sản phẩm gắn với sinh kế vốn đã khó khăn của họ. Những sản phẩm này bao gồm đường, ngô, muối và một số sản phẩm động vật. Đặc biệt, những người làm muối và trồng mía đường là những người sống và lao động ở những vùng xa xôi và khó khăn nhất.

Trong các điều khoản của gói gia nhập, Việt Nam tìm cách bảo vệ một số những sản phẩm đó thông qua áp dụng hạn ngạch thuế suất (TRQs). Một hạn ngạch thuế suất là một hạn ngạch nhập khẩu tại một mức thuế suất nhất định. Một khi hạn ngạch (quota) đã hết, một thuế suất cao hơn sẽ đánh vào lượng hàng nhập thêm. Hạn ngạch thuế suất cơ bản là một bước trung gian để chuyển những hạn chế định lượng thành thuế quan và là một công cụ hợp pháp được vận dụng nhiều trong WTO. TRQ tạo điều kiện cho các quốc gia bảo vệ các sản phẩm cần thiết cho an ninh lương thực và sinh kế chống lại những sự tăng nhập khẩu đột ngột và chống lại cạnh tranh không lành mạnh. Việc sử dụng công cụ này không chỉ giới hạn ở các nước đang phát triển như Việt Nam. Các thành viên mới gia nhập gần đây như Đài Loan, và cả những thành viên lâu năm, kể cả Hoa Kỳ, vẫn sử dụng TRQ một cách rộng rãi, như với đường và các sản phẩm động vật cùng nhiều mặt hàng khác.¹⁰

Việt Nam muốn vận dụng hạn ngạch thuế suất cho sản phẩm đường để thay cho chế độ hiện hành là cấp thương quyền (cho phép nhập khẩu) theo từng trường hợp. Thị trường đường thế giới nay đang bị biến dạng bởi một lượng khổng lồ đường xuất khẩu được trợ cấp một cách bất hợp pháp từ EU. Tháng Tư 2005, bản thân WTO đã phán quyết EU đã bán phá giá gấp ba lần mức cho phép đối với đường được phép trợ cấp xuất khẩu.¹¹ Hạn ngạch thuế suất (TRQ) có thể giúp các nước chống lại loại hình cạnh tranh không lành mạnh đó. Các thành viên nên hoan nghênh những nỗ lực của Việt Nam trong việc làm cho các tập quán thương mại của mình tương thích với các luật lệ WTO bằng cách chuyển từ cấp thương quyền sang hạn ngạch thuế suất. Tuy nhiên, báo cáo dự thảo sửa đổi cho thấy một vài thành viên, với sự dẫn dắt của Niu Dilân và Hoa Kỳ, một ví dụ nổi bật của việc áp dụng tiêu chuẩn kép, tiếp tục chống lại đề nghị sử dụng TRQ của Việt Nam, với lập luận rằng các TRQ đã “lỗi thời và [làm méo mó] thương mại.”¹²

Một biểu thời gian để loại bỏ mọi trợ cấp xuất khẩu

Việt Nam tiếp tục yêu cầu được quyền linh hoạt trong xác định một biểu thời gian dỡ bỏ mọi trợ cấp xuất khẩu. Thể hiện một tinh thần thương lượng thực sự, Việt Nam đã hạ thấp đòi hỏi đưa ra đầu năm và nay yêu cầu một thời hạn ngắn hơn là bảy năm sau khi gia nhập đối với các trợ cấp xuất khẩu dưới hình thức khuyến khích đầu tư. Tất cả các trợ cấp xuất khẩu khác sẽ được dỡ bỏ ngay sau khi trở thành thành viên.

Các thành viên Ban Công tác nên chấp nhận yêu cầu đó của Việt Nam mà không phải chất vấn gì thêm. Không chỉ vì các thành viên WTO đã đồng ý với Hiệp định khung tháng Bảy 2004 về việc kéo dài thời gian dỡ bỏ – tuy vẫn chưa xác định cụ thể là bao lâu – đối với trợ cấp xuất khẩu của các nước đang phát triển;¹³ mà trong một biểu hiện tiêu chuẩn kép khác, các nước phát triển bao gồm Hoa Kỳ, vẫn chưa đi tới thoả thuận về thời biểu của chính mình trong việc dỡ bỏ hỗ trợ xuất khẩu nông nghiệp gây nhiều tác hại.

Trợ cấp dưới hình thức khuyến khích đầu tư có ý nghĩa sống còn đối với việc phát triển các vùng gặp nhiều khó khăn, là nơi sinh sống tập trung nhất những người nghèo ở Việt Nam. Có thể lập luận rằng những khuyến khích đầu tư ấy đúng là những trợ cấp cho phát triển vùng và do đó được phép theo quy định của WTO. Như Ngân hàng thế giới

đã nói, tất cả các quốc gia vùng Đông Á, kể cả những nước hiện là thành viên WTO, đều sử dụng khuyến khích xuất khẩu, vì vậy Việt Nam khó mà không làm như vậy.¹⁴ Trong bối cảnh đó, không có lý do chính đáng nào để không chấp nhận yêu cầu khiêm tốn của Việt Nam có được một thời gian bảy năm sau khi gia nhập để dỡ bỏ loại trợ cấp xuất khẩu này, đó là việc cần đồng ý ngay mà không phải đàm phán gì thêm.

Duy trì kiểm soát quản lý xuất khẩu gạo

Hiện vẫn còn có bất đồng trong các thành viên Ban Công tác liên quan đến sự tương thích giữa tư cách thành viên WTO đối với việc kiểm soát quản lý xuất khẩu gạo của Việt Nam.¹⁵ Việt Nam đã huỷ bỏ hạn ngạch xuất khẩu gạo năm 2001, và nay cơ chế kiểm soát linh hoạt mà nước này sử dụng hoàn toàn tương thích với Điều XI 2(a) của GATT 1994 về Loại bỏ chung những hạn chế định lượng.¹⁶ Cơ chế này giúp ổn định giá và tránh cho mặt hàng này khỏi bị đầu cơ.

Đòi hỏi Việt Nam thôi sử dụng cơ chế đó là vượt quá và ra ngoài quy định của luật WTO hiện hành. Việt Nam cần có khả năng quản lý xuất khẩu gạo của mình, một sản phẩm sống còn đối với an ninh lương thực của đông đảo người dân Việt Nam. Cũng cần có trong cơ chế này một yếu tố kiểm soát các công ty nước ngoài xuất khẩu gạo trong trường hợp khẩn cấp, hoặc khi kho dự trữ xuống thấp.

Về phương diện này, Việt Nam yêu cầu một thời kỳ quá độ cho đến ngày 1 tháng Giêng 2011 đối với quyền của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài được xuất khẩu gạo. Gạo chiếm tới 90 phần trăm tổng lượng sản xuất lương thực, được canh tác trên 60 phần trăm tổng số đất nông nghiệp, và có hơn hai phần ba số hộ gia đình Việt Nam trồng lúa.¹⁷ Khả năng Việt Nam quản lý linh hoạt xuất khẩu sản phẩm quan trọng này một cách tương thích với WTO không nên bị các thành viên Ban Công tác chất vấn.

Ngăn chặn các nhượng bộ phi tiêu chuẩn: để cho thị trường hàng dệt may thịnh phát

WTO xếp Việt Nam vào diện Kinh tế phi thị trường (NME). Có một lý do có thể chấp nhận được với sự đối xử khác biệt đó. Tuy nhiên, các thành viên WTO chớ nên lấy quy chế kinh tế phi thị trường làm cơ thi hành chủ nghĩa bảo hộ để chống lại những nền kinh tế cạnh tranh hơn. Trung Quốc cũng được coi là kinh tế phi thị trường trong quá trình gia nhập và buộc phải đồng ý với một loạt những “biện pháp tự vệ đặc biệt”,¹⁸ mà kết quả là hạn chế các quyền tối huệ quốc (MFN) của nước này.¹⁹ Những biện pháp đó bao gồm một “điều khoản về biện pháp tự vệ cho hàng dệt” cho phép các thành viên áp đặt những hạn chế nhập khẩu hàng dệt may của Trung Quốc nếu họ thấy những hàng nhập khẩu đó làm thị trường biến động. Theo quy định về tự vệ đặc biệt, các nước thành viên WTO có thể không chế những sản phẩm đặc biệt chỉ được phép tăng tối đa là 7,5 phần trăm so với mức nhập khẩu của năm trước.

Việt Nam đã đồng ý với cơ chế tự vệ trong trường hợp rối loạn thị trường trong hiệp định thương mại song phương (BTA) ký với Hoa Kỳ, tương tự như điều khoản về hàng dệt may của Trung Quốc nói trên. Trong cả hai báo cáo dự thảo ban đầu và bản sửa đổi, các thành viên đều yêu cầu Việt Nam cung cấp cho Ban Công tác một bản sao BTA với Hoa Kỳ và giải trình những điều khoản trong đó sẽ được áp dụng như thế nào cho các thành viên khác của WTO. Do quy định về tối huệ quốc của WTO, điều đó mở cửa cho tất cả điều khoản WTO-cộng đã được nhất trí với Hoa Kỳ trong BTA, bao gồm cả các cơ chế tự vệ khi thị trường rối loạn theo tính chất trên.

Điều đó có thể là một thảm họa cho công nghiệp dệt may đang thịnh phát và chiếm tới 17 phần trăm trong tổng số xuất khẩu²⁰ và là nguồn thu nhập và việc làm có ý nghĩa

sống còn đối với Việt Nam. Đây là ngành đặc biệt quan trọng đối với phụ nữ, phần lớn sống ở nông thôn, mặc dù các thông lệ sử dụng nhân công chưa tốt, các quyền lao động chưa được thừa nhận, nên những lợi ích cho công nhân còn bị hạn chế. Các nước thành viên WTO sẽ không ngăn ngại mà viện đến các biện pháp tự vệ này sau khi gia nhập, nếu các biện pháp tự vệ này đã được nước xin tham gia WTO đồng ý – vì lý do thị trường thực sự bị rối loạn hoặc gián đơn chỉ là chủ nghĩa bảo hộ không cần che đậy.

Trung Quốc là trung tâm của một tranh chấp thương mại với Hoa Kỳ và EU trong những tháng gần đây, sau khi cả hai bên nói trên đe dọa sẽ viện đến điều khoản tự vệ đặc biệt cho hàng dệt trước tình hình Trung Quốc tăng xuất khẩu các sản phẩm dệt may. Tranh chấp với EU cuối cùng được giải quyết qua thương thảo, sau khi gần 80 triệu sản phẩm hàng dệt may nhập từ Trung Quốc chất đống ở các biên giới EU và những người bán lẻ châu Âu kêu gọi giải phóng cho số hàng đó.²¹ Tuy nhiên, Hoa Kỳ thì nói là làm, họ áp đặt bảy hạn chế nhập khẩu, sử dụng “điều khoản tự vệ đặc biệt cho hàng dệt may” để biện minh cho hành động của họ. Bốn trong bảy hạn chế của Hoa Kỳ đưa ra chỉ dựa trên một sự cảm nhận mơ hồ về mối đe dọa rối loạn thị trường.²² Tất cả bảy hạn chế đó vẫn còn được áp dụng khi viết báo cáo này.

Trung Quốc là nước lớn và tương đối giàu hơn Việt Nam và chắc sẽ sớm dàn xếp xong vụ việc dệt may. Trung Quốc lại là nước mạnh nhất trong thị trường hàng dệt may và có mức tăng trưởng cao nhất. Trong báo cáo quý I năm 2005, IMF cho biết hàng dệt may của Trung Quốc xuất sang Hoa Kỳ tăng 60 phần trăm, trong lúc Bangladesh, Campuchia, Sri Lanka và Việt Nam chỉ tăng bình quân 17 phần trăm.²³ IMF dự đoán trong tình hình giá các sản phẩm dệt may của Trung Quốc xuất sang Hoa Kỳ giảm đáng kể, lợi nhuận xuất khẩu của các nước có thu nhập thấp của châu Á và đơn đặt hàng của hải ngoại sẽ giảm theo thời gian.

Nếu căn cứ vào lời văn không mấy chặt chẽ của phần nói về hàng dệt may trong báo cáo dự thảo sửa đổi, Việt Nam sẽ tiếp tục chịu hạn ngạch dệt may của Hoa Kỳ ngay cả sau ngày gia nhập WTO. Tình hình ngành dệt may của Việt Nam thậm chí còn có thể xấu hơn trừ phi Việt Nam kiên quyết cưỡng lại những mưu đồ gộp các biện pháp tự vệ đặc biệt vào trong gói gia nhập WTO. Một mặt, các biện pháp bảo hộ như những gì được viện dẫn để chống Trung Quốc có thể hạn chế xuất khẩu sang Hoa Kỳ và EU, nhưng mặt khác thắng lợi của Trung Quốc (trong đàm phán với Hoa Kỳ và EU) có thể làm cho giá thị trường giảm xuống, có thể co hẹp thêm thị phần của Việt Nam. Các thành viên Ban Công tác không nên đòi hỏi đưa bất cứ cơ chế tự vệ đặc biệt phi tiêu chuẩn nào khi đàm phán kết nạp Việt Nam làm thành viên WTO.

Bảo đảm tiếp cận các quyền được linh hoạt cho các nước đang phát triển đã được nhất trí ở Vòng Doha

Cùng với một thời biểu rộng rãi hơn cho việc dỡ bỏ các trợ cấp xuất khẩu, một Cơ chế Tự vệ đặc biệt và một điều khoản về Sản phẩm đặc biệt cũng đang được thương thảo trong phạm vi Vòng Doha. Cả hai đều nhằm dành cho tất cả các nước đang phát triển sử dụng. Những điều khoản này nằm trong Hiệp định khung tháng Bảy 2004, là nhằm để thay cho cơ chế tự vệ đặc biệt (SSG) hiện hữu và sẽ cung cấp cho các nước đang phát triển thêm một phương tiện bảo vệ các sản phẩm có ý nghĩa sống còn về an ninh sinh kế và lương thực trước sự nhập khẩu tăng đột biến. Các thành viên Ban Công tác tiếp tục cho rằng việc tiếp cận cơ chế tự vệ đặc biệt hiện hữu “không phải là một quyền của nước xin gia nhập”.²⁴ Thế nhưng đó là một giả định không có cơ sở. Việt Nam cần được sử dụng tất cả các công cụ dành sẵn cho các nước đang phát triển thành viên của WTO khác để bảo vệ cho khu vực nông nghiệp dễ tổn thương của mình. Những công cụ này

bao gồm Cơ chế Tự vệ Đặc biệt (SSM) và các Sản phẩm Đặc biệt (SP) hiện đang được đàm phán.

Bất hạnh là sự Đối xử Đặc biệt và Có Phân biệt (SDT) hứa hẹn cho các nước đang phát triển trong Tuyên bố Vòng Doha đã nhanh chóng bị xói lở với sự tiếp diễn của các cuộc đàm phán. Phân tích của Oxfam chỉ rõ Hoa Kỳ và EU đang cố gắng loại một số nước đang phát triển ra khỏi sự đãi ngộ theo những hiệp định mới ở Doha.²⁵ Nếu Hoa Kỳ và EU tìm đủ mọi cách để loại một số các nước đang phát triển ra ngoài những điều khoản đó, thì rất có thể họ càng quyết tâm hơn trong việc ngăn cản Việt Nam tiếp cận với các công cụ linh hoạt đó.

Khuyến nghị

Các thành viên WTO nên thôi áp đặt những điều kiện WTO-cộng mờ ám trong đàm phán với Việt Nam, mà những điều kiện này có thể tác động tiêu cực đến cuộc sống của người nghèo. Việt Nam vẫn có cơ hội giành được một số yếu tố then chốt của gói đàm phán gia nhập vì sự phát triển của đất nước. Nếu vậy, Oxfam tin rằng gói đàm phán gia nhập cần bao gồm:

- Việt Nam có khả năng sử dụng tất cả các công cụ dành sẵn cho các nước đang phát triển thành viên của WTO để bảo vệ tốt hơn khu vực nông nghiệp dễ tổn thương. Các biện pháp đó bao gồm Hạn ngạch Thuế suất, Tự vệ Đặc biệt hiện hành của WTO và những điều khoản mới đang được thương lượng tại WTO (Cơ chế Tự vệ Đặc biệt và các Sản phẩm đặc biệt).
- Không nên đòi Việt Nam phải cam kết về quy mô cũng như thời gian giảm trợ cấp xuất khẩu nhiều hơn những gì mà các nước đang phát triển thành viên của WTO đang thực thi, hoặc những gì đã được nhất trí trong các cuộc đàm phán hiện hành của WTO.
- Khi trở thành thành viên, Việt Nam cần có khả năng duy trì kiểm soát xuất khẩu về gạo tương thích với qui định hiện hành của WTO, nhằm bảo đảm an ninh lương thực.
- Các thành viên Ban Công tác không nên đưa các điều khoản kinh tế phi thị trường hạn chế các quyền tối huệ quốc có khả năng gây hậu quả xấu cho ngành dệt may của Việt Nam. Về phương diện này, các điều khoản WTO-cộng về tự vệ thương mại trong hiệp định thương mại song phương ký với Hoa Kỳ không nên trở thành bộ phận của gói gia nhập.
- Hoa Kỳ cần huỷ bỏ hạn ngạch sản phẩm dệt may cho Việt Nam khi nước này trở thành thành viên bởi hạn ngạch đã được xóa bỏ cho tất cả thành viên quốc gia vào cuối năm 2004.
- Việc tuân thủ các hiệp định về các biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Động thực vật phải ràng buộc với điều khoản hỗ trợ kỹ thuật nhằm giảm nhẹ chi phí thực thi và xây dựng khả năng kỹ thuật cần thiết để thực thi các biện pháp đó.

Chú thích

- ¹ “Ban công tác xem xét bản sửa đổi lần thứ nhất báo cáo thành viên”, WTO, 20 tháng Chín 2005.
- ² “Đánh giá tác động nghèo khổ của Nghị trình phát triển Doha: Một nghiên cứu điển hình của Việt Nam”, Trung tâm tiền bộ nông thôn, Hà Nội, tháng Hai 2003, tr. 21.
- ³ “Báo cáo dự thảo của Ban Công tác về gia nhập của Việt Nam: Sửa đổi”, WTO, 5 tháng Chín 2005, tr. 34, 49.
- ⁴ J.M. Finger và P. Schuler (1999) “Thực thi các cam kết của Vòng Uruguay.: Thách thức của phát triển”, Tài liệu nghiên cứu chính sách của Ngân hàng thế giới.
- ⁵ “Báo cáo dự thảo của Ban Công tác”, sđd, tr. 87.
- ⁶ Các ngoặc vuông [...] được đặt vào các đoạn trong văn bản tài liệu WTO khi nội dung đó chưa được sự nhất trí của tất cả các bên. Một khi văn bản được nhất trí, các ngoặc vuông đó được xoá đi.
- ⁷ “Báo cáo dự thảo của Ban Công tác”, sđd, tr 119-20
- ⁸ “Thành đạt các Mục tiêu Thiên niên kỷ”, Báo cáo của Việt Nam, tháng Tám 2005.
- ⁹ -nt-
- ¹⁰ “Hãy làm như tôi nói, đừng làm như tôi làm: Những điều kiện không công bằng đối với Việt Nam gia nhập WTO” Oxfam International, tháng Tư 2005, tr. 10.
- ¹¹ “Chấm dứt bán phá giá đường”, Oxfam International, tháng Tư 2005, tr. 2.
- ¹² “Báo cáo dự thảo của Ban Công tác”, sđd, tr. 54.
- ¹³ WTO (2004), Văn bản của “Gói tháng Bảy”, (www.wto.org/english/tratop_e/dda_e/draft_text_gc_dg_31july04_e.htm). Đây là một gói các hiệp định khung WTO được các thành viên nhất trí ngày 30 tháng Bảy 2004, sau sự bế tắc trong cuộc gặp cấp Bộ trưởng tháng Chín 2003.
- ¹⁴ “Đánh giá: cập nhật cải cách và phát triển kinh tế của Việt Nam”, Ngân hàng thế giới 2004, tr. 24.
- ¹⁵ “Báo cáo dự thảo của Ban Công tác”, sđd, tr.46-49.
- ¹⁶ “Hãy làm như tôi nói, đừng làm như tôi làm: Những điều kiện không công bằng đối với Việt Nam gia nhập WTO” Oxfam International, tháng Tư 2005, tr. 12.
- ¹⁷ “Báo cáo phát triển Việt Nam 2004” của cộng đồng tài trợ gửi cuộc họp nhóm tư vấn (CG) 2003.
- ¹⁸ “Hãy làm như tôi nói, đừng làm như tôi làm: Những điều kiện không công bằng đối với Việt Nam gia nhập WTO” Oxfam International, tháng Tư 2005, tr. 15.
- ¹⁹ Quy chế tối huệ quốc là một trong những hòn đá tảng của WTO. Theo quy chế này, những gì dành cho một thành viên phải dành cho tất cả các thành viên khác của WTO.
- ²⁰ Bản thống kê kinh tế xã hội hàng tháng của UNDP, tháng Ba 2005.
- ²¹ “Trung Quốc ký với EU về số hàng dệt bị giữ lại; các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ bế tắc”, ICTSD, tuần báo BRIDGES, Tập 9, số 29, tháng Chín 2005.
- ²² “Tranh luận hàng dệt may nóng lên; Trung Quốc áp đặt thêm thuế xuất khẩu” ICTSD, tuần báo BRIDGES, Tập 9, số 18, 25 tháng Năm 2005.
- ²³ “Kinh tế châu Á sáng sủa, nhưng bất trắc vẫn còn đó”, Khảo sát của IMF, 23 tháng Năm 2003.
- ²⁴ “Báo cáo dự thảo của Ban Công tác”, sđd, tr. 114.
- ²⁵ “Từ phát triển đến vị kỷ trắng trợn”, Báo cáo của Oxfam, tháng Bảy 2005.

© Oxfam International, November 2005

Tài liệu này do Mary Kirkbride biên soạn, và là một cập nhật của Oxfam Briefing Paper 67 “Liệu Việt Nam có gia nhập WTO trên những điều kiện có lợi cho phát triển? được ấn hành tháng Mười 2004 và tài liệu số 74 “Hãy làm như tôi nói, đừng làm như tôi làm. Những điều kiện không công bằng với Việt Nam gia nhập WTO” ấn hành tháng Năm 2005. Để biết thêm chi tiết xin tham khảo các tài liệu đó trên: <http://www.oxfam.org/eng/policy/pape.htm#2004> và [http://www.org.uk/what we do/ issues/trade/bn vietnam.htm](http://www.org.uk/what_we_do/issues/trade/bn_vietnam.htm)

Oxfam cảm ơn sự giúp đỡ của Jennifer Brant, Trevor D. Clarke, và Lê Kim Dung xây dựng nên tài liệu này. Đây là một phần trong loạt tài liệu được viết để thông tin công chúng về tranh luận các chủ đề chính sách phát triển và nhân đạo.

Tài liệu này có thể được sử dụng miễn phí nhằm các mục đích biện minh, vận động, giáo dục, với yêu cầu chưa rõ và đầy đủ nguồn tài liệu. Người giữ bản quyền yêu cầu những sử dụng như vậy được đăng ký với tác giả nhằm mục đích đánh giá tác dụng. Những trường hợp sao chép, dịch hoặc phóng tác hoặc tái sử dụng trong các ấn phẩm khác phải xin phép và có thể phải trả lệ phí. E mail publish@oxfam.org.uk.

Để có thêm thông tin về chủ đề này hoặc về cuộc vận động Vì Thương mại công bằng (Make Trade Fair), xin liên hệ với advocacy@oxfaminternational.org hoặc www.maketradefair.com

Oxfam International là một liên kết của mười hai tổ chức cùng hoạt động tại hơn 100 quốc gia để tìm kiếm những giải pháp chống đói nghèo và bất công.

Dưới đây là tên và địa chỉ của các tổ chức được giữ nguyên tiếng Anh để tiện liên hệ. Có thể liên hệ với các tổ chức hoặc qua trang chủ www.oxfam.org

Oxfam International Advocacy Offices:

Washington: 1112 16th St., NW, Ste. 600, Washington, DC 20036, USA

Tel: +1.202.496.1170. E-mail: advocacy@oxfaminternational.org

Brussels: 22 rue de Commerce, 1000 Brussels, Belgium

Tel: +322.502.0391. E-mail: luis.morago@oxfaminternational.org

Geneva: 15 rue des Savoises, 1205 Geneva, Switzerland

Tel: +41.22.321.2371. E-mail: celine.charveriat@oxfaminternational.org

New York: 355 Lexington Avenue, 3rd Floor, New York, NY 10017, USA

Tel: +1.212.687.2091. E-mail: nicola.reindorp@oxfaminternational.org

Tokyo: Oxfam Japan, Maruko-Bldg. 2F, 1-20-6, Higashi-Ueno, Taito-ku, Tokyo 110-0015, Japan

Tel/Fax: +81.3.3834.1556. E-mail: advocacy@oxfaminternational.org

<p>Oxfam America 26 West St. Boston, MA 02111-1206, USA Tel: +1.617.482.1211 E-mail: info@oxfamamerica.org www.oxfamamerica.org</p>	<p>Intermón Oxfam (Spain) Roger de Llúria 15 08010, Barcelona, Spain Tel: +34.902.330.331 E-mail: info@intermonoxfam.org www.intermonoxfam.org</p>
<p>Oxfam Australia 156 George St. Fitzroy, Victoria 3065, Australia Tel: +61.3.9289.9444 E-mail: enquire@caa.org.au www.oxfam.org.au</p>	<p>Oxfam Ireland <u>Dublin Office</u>, 9 Burgh Quay, Dublin 2 Ireland, Tel: +353.1.672.7662 <u>Belfast Office</u>, 115 North St, Belfast BT1 1ND, UK, Tel: +44.28.9023.0220 E-mail: communications@oxfam.ie www.oxfamireland.org</p>
<p>Oxfam Canada 250 City Centre Ave, Suite 400 Ottawa, Ontario, K1R 6K7, Canada Tel: +1.613.237.5236 E-mail: info@oxfam.ca www.oxfam.ca</p>	<p>Oxfam New Zealand PO Box 68357, Auckland 1032 New Zealand Tel: +64.9.355.6500 (Toll-free 0800 400 666) E-mail: oxfam@oxfam.org.nz www.oxfam.org.nz</p>
<p>Oxfam Germany Greifswalder Str. 33a 10405 Berlin, Germany Tel: +49.30.428.50621 E-mail: info@oxfam.de www.oxfam.de</p>	<p>Novib Oxfam Netherlands Mauritskade 9, Postbus 30919 2500 GX, The Hague, The Netherlands Tel: +31.70.342.1621 E-mail: info@novib.nl www.novib.nl</p>
<p>Oxfam Great Britain Oxfam House, John Smith Drive Cowley, Oxford, OX4 2JY, UK Tel: +44.(0)1865.473727 E-mail: enquiries@oxfam.org.uk www.oxfam.org.uk</p>	<p>Oxfam Solidarité (Belgium) Rue des Quatre Vents 60 1080 Brussels, Belgium Tel: +32.2.501.6700 E-mail: oxfamsol@oxfamsol.be www.oxfamsol.be</p>
<p>Oxfam Hong Kong 17/fl., China United Centre 28 Marble Road, North Point, Hong Kong Tel: +852.2520.2525 E-mail: info@oxfam.org.hk www.oxfam.org.hk</p>	<p>Oxfam Québec 2330 rue Notre Dame Ouest, bureau 200 Montréal, Quebec, H3J 2Y2, Canada Tel: +1.514.937.1614 E-mail: info@oxfam.qc.ca www.oxfam.qc.ca</p>